

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ KHO BẠC NHÀ NƯỚC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PGS.TS. Lê Hùng Sơn* - Ths. Đinh Thu Trang**

Đối với bất kỳ một tổ chức, đơn vị nào, phân tích hoạt động là công việc quan trọng nhằm làm rõ chất lượng, hiệu quả hoạt động, những nhân tố ảnh hưởng, các nguồn tiềm năng cần khai thác, từ đó đề ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, đơn vị đó. Để làm tốt công tác này, cần sử dụng các phương pháp phân tích phù hợp. Tại Kho bạc Nhà nước (KBNN), bước đầu đã sử dụng một số phương pháp để phân tích các hoạt động nghiệp vụ; đồng thời, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong việc sử dụng các phương pháp này. Nhờ đó, kết quả phân tích các hoạt động nghiệp vụ đã trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo KBNN cũng như Bộ Tài chính trong lĩnh vực tài chính - ngân sách. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, KBNN vẫn chưa xây dựng được các tiêu chí và phương pháp phân tích hoạt động nghiệp vụ thống nhất; đòi hỏi phải được đổi mới để đáp ứng những yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay, đặc biệt là hướng tới mục tiêu hoàn thành Kho bạc số vào năm 2030.

• Từ khóa: phương pháp phân tích, hoạt động nghiệp vụ, KBNN.

For any organization or unit, operational analysis is an important job to clarify the quality and efficiency of operations, influencing factors, and potential sources that need to be exploited, thereby proposing measures to improve the operational efficiency of that organization or unit. To do this job well, it is necessary to use appropriate analytical methods. At the State Treasury, a number of methods were initially used to analyze operational activities and information technology was gradually applied in the use of these methods. Thanks to that, the results of analysis of professional activities have become an effective tool to serve the direction and administration of the State Treasury's leaders as well as the Ministry of Finance in the field of finance and budget. However, besides the results achieved, the State Treasury has not yet developed unified criteria and methods for analyzing operational activities. Therefore, it is necessary to innovate methods of analyzing State Treasury operations to meet the requirements of the current digital transformation context, especially towards the goal of completing a digital Treasury in 2030.

• Key words: analytical methods, professional operations, state treasury.

JEL codes: C18

Ngày nhận bài: 20/5/2025

Ngày gửi phản biện: 22/5/2025

Ngày duyệt đăng: 21/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i300.03>

* Trường Đại học Trưng Vương; email: lhsonkbnn@gmail.com; <https://orcid.org/0000-0001-8174-7349>

** Kho bạc Nhà nước; email: thutrangdinh1803@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Phân tích hoạt động nghiệp vụ kho bạc (KBNN) là hệ thống công cụ nhằm nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng, mối quan hệ bên trong và bên ngoài, cùng các chỉ tiêu tổng hợp và chi tiết để đánh giá hoạt động trong quá khứ, hiện tại và dự báo tương lai. Mục tiêu là nhận diện hạn chế, nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng, từ đó phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của KBNN. Cơ sở của phân tích là các tiêu chí định tính, định lượng, đóng vai trò chuẩn mực đánh giá và cung cấp thông tin phục vụ hoàn thiện, nâng cao chất lượng nghiệp vụ.

Hiện KBNN đã áp dụng nhiều phương pháp như so sánh, thay thế liên hoàn, liên hệ đối chiếu, biểu đồ, đồ thị... với dữ liệu chủ yếu từ Hệ thống TABMIS và kho dữ liệu thống kê. Nhờ vậy, phân tích nghiệp vụ đã trở thành công cụ quan trọng hỗ trợ tổng hợp báo cáo tài chính - ngân sách, giúp quản lý, điều hành của các cấp có thẩm quyền nhanh chóng, chính xác, góp phần nâng cao vị thế của hệ thống KBNN trong ngành Tài chính.

Trong bối cảnh nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về tài chính - ngân sách được ban hành, như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030, Chiến lược tài chính đến 2030, Luật NSNN, Luật Kế toán, Luật Quản lý nợ công..., hoạt động nghiệp vụ KBNN chịu tác động mạnh mẽ, đòi hỏi các phương pháp phân tích phải thường xuyên được điều chỉnh, hoàn thiện để phù hợp thực tiễn.

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiệp vụ kho bạc là các hoạt động chuyên môn do cơ quan kho bạc thực hiện nhằm quản lý, điều hành

ngân sách nhà nước (NSNN) và các quỹ khác theo quy định. Dù tổ chức kho bạc ở mỗi quốc gia khác nhau tùy thể chế và năng lực quản lý, nhưng đều bao gồm những nghiệp vụ cơ bản: quản lý thu - chi NSNN, quản lý và điều hành ngân quỹ, huy động vốn, kế toán NSNN và tổng kế toán nhà nước.

Phân tích hoạt động nghiệp vụ giữ vai trò then chốt trong đánh giá hiệu quả quản lý, giúp nhận diện kết quả, hạn chế, nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng. Thông qua đó, lãnh đạo KBNN và Bộ Tài chính có cơ sở đưa ra các giải pháp cải cách, điều chỉnh cơ chế, đồng thời phòng ngừa rủi ro trong quản lý. Đây cũng là công cụ quan trọng của quản trị hiện đại, hỗ trợ các chức năng kiểm tra, giám sát và ra quyết định điều hành phù hợp. Nhờ phân tích, hệ thống KBNN có thể xác định rõ năng lực, hạn chế, từ đó xây dựng chiến lược phát triển hiệu quả hơn.

Bài viết vận dụng nền tảng lý thuyết của các phương pháp phân tích tài chính, gồm: (i) nhóm phương pháp đánh giá (so sánh, phân chia, liên hệ - đối chiếu); (ii) nhóm phân tích nhân tố (thay thế liên hoàn, số chênh lệch, cân đối); (iii) phương pháp chỉ số (không gian, thời gian) nhằm xác định mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

3. Thực trạng sử dụng các phương pháp phân tích hoạt động nghiệp vụ KBNN

3.1. Một số phương pháp phân tích hoạt động nghiệp vụ kho bạc

Trong thực tiễn, KBNN chủ yếu vận dụng phương pháp so sánh, vốn phù hợp với đặc thù cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt trong việc đối chiếu tình hình hoạt động giữa các kỳ và giữa kết quả thực hiện với kế hoạch được giao.

Nghiệp vụ tập trung nguồn thu NSNN.

KBNN đã sử dụng so sánh kết hợp với biểu đồ, đồ thị để phân tích: số lượng ngân hàng thương mại phối hợp thu; số lượng tài khoản chuyên thu; doanh số thu NSNN tại từng điểm thu; cũng như thời gian nộp NSNN trước và sau cải cách. Các chỉ tiêu này giúp đánh giá hiệu quả cải tiến quy trình tập trung nguồn thu.

Trong phân tích tình hình thu NSNN, KBNN cũng áp dụng các phương pháp cân đối, chỉ số, chi tiết, liên hệ đối chiếu. Tuy nhiên, việc phân tích mới chủ yếu dừng ở mức so sánh ngắn hạn (năm trước - năm nay, đầu kỳ - cuối kỳ), chưa mở rộng ra phân tích theo chuỗi thời gian dài 3-5 năm. Điều này khiến khả năng đánh giá xu hướng và dự báo còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng của các phương pháp phân tích.

Bảng số liệu cho thấy, số thu NSNN bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN chiếm tỷ lệ nhỏ và có xu hướng giảm mạnh, đặc biệt từ năm 2017. Nguyên nhân chính là Thông tư số 13/2017/TT-BTC (có hiệu lực từ 01/4/2017) quy định hạn chế thu bằng tiền mặt, yêu

cầu các đơn vị, tổ chức, cá nhân có tài khoản tại ngân hàng hoặc KBNN phải ưu tiên thanh toán không dùng tiền mặt. Đồng thời, đơn vị sự nghiệp công lập được mở tài khoản chuyên thu và ủy nhiệm thu phí bằng tiền mặt qua NHTM đối với một số khoản dịch vụ. Nhờ triển khai đồng bộ, số thu bằng tiền mặt năm 2018 tiếp tục giảm. Tiếp đó, Thông tư số 136/2018/TT-BTC (có hiệu lực từ 01/4/2019) bổ sung quy định yêu cầu các đơn vị, tổ chức kinh tế có tài khoản tại NHTM thực hiện nộp NSNN bằng phương thức không dùng tiền mặt hoặc nộp tại NHTM để chuyển vào tài khoản KBNN. Nhờ vậy, năm 2019, số thu bằng tiền mặt qua KBNN vẫn tiếp tục giảm sâu so với năm 2017.

Ví dụ minh họa: *Phân tích tình hình thu NSNN qua hệ thống KBNN:*

Bảng 1. Thu NSNN qua hệ thống KBNN giai đoạn 2016-2020

Năm	Tổng thu NSNN qua hệ thống KBNN (Tỷ đồng)	Thu NSNN bằng tiền mặt	
		Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ lệ so với tổng thu NSNN qua hệ thống KBNN (%)
2016	1.235.752	52.461	4,25
2017	1.312.477	23.987	1,83
2018	1.456.643	14.566	1
2019	1.625.410	13.160	0,81
2020	1.624.222	9.163	0,56

Nguồn: Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và kho bạc - TABMIS

a) Nghiệp vụ chi NSNN

KBNN áp dụng nhiều phương pháp phân tích: so sánh (tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, cơ cấu chi thường xuyên - chi ĐTPT trong tổng chi NSNN...); cân đối (mức độ ảnh hưởng từng khoản chi đến tổng chi...); chỉ số (biến động tiền độ giải ngân vốn đầu tư...). Tuy nhiên, phân tích kiểm soát chi NSNN qua KBNN chưa được thực hiện định kỳ, chủ yếu theo chuyên đề, nên chưa phản ánh đầy đủ và kịp thời hiệu quả quản lý chi.

Ví dụ minh họa: *Phân tích tình hình chi NSNN qua KBNN:*

Bảng 2. Số tiền KBNN từ chối thanh toán giai đoạn 2018-2022 (Tỷ đồng)

Năm	Tổng số tiền từ chối thanh toán	Số tiền từ chối thanh toán trong chi đầu tư	Số tiền từ chối thanh toán trong chi thường xuyên
2018	195,3	150,1	45,2
2019	272,4	146,6	125,8
2020	151,1	83,5	67,6
2021	32,0	19,1	12,9
2022	400,0	45,0	355,0
Tổng số	1.050,8	444,3	606,5

Nguồn: Báo cáo hàng năm của KBNN

Theo quy định, kiểm soát chi NSNN qua hệ thống KBNN là việc KBNN áp dụng các quy định, quy trình nghiệp vụ và các biện pháp kỹ thuật để kiểm tra, kiểm soát đảm bảo các khoản chi NSNN chỉ được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật NSNN năm 2015 và Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN. Đối với các khoản chi đủ điều kiện theo quy định,

KBNN thực hiện thanh toán, chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản với tổ chức, cá nhân có quan hệ giao dịch với KBNN. KBNN có quyền từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đúng, không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sự gia tăng về số tiền KBNN từ chối thanh toán có thể phản ánh một trong hai khía cạnh: (i) KBNN thực hiện kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các khoản chi ngân sách nhà nước hoặc (ii) Số lượng đơn vị giao dịch chưa đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ, thủ tục tăng hay mức độ tuân thủ các quy định của đơn vị giao dịch giảm, tức là gia tăng mức độ rủi ro từ phía các đơn vị giao dịch, đòi hỏi KBNN phải có những biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các khoản chi NSNN. Do đó, để đánh giá đúng về tiêu chí số tiền từ chối thanh toán qua KBNN, cần kết hợp với việc phân tích các tiêu chí khác có liên quan.

b) Nghiệp vụ quản lý ngân quỹ nhà nước:

Phương pháp so sánh đang được sử dụng để phân tích ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt hoặc tạm thời nhàn rỗi trong kỳ.

Phương pháp cân đối đang được sử dụng để phân tích phân tích dòng tiền vào, ra KBNN trên cơ sở các nhân tố cấu thành nên dòng tiền vào, ra KBNN và các nhân tố này có mối quan hệ với nhau biểu diễn dưới dạng tổng số. Cụ thể:

Luồng tiền vào KBNN bao gồm: Các khoản thu nộp NSNN; thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công; tiền gửi các đơn vị dự toán; tiền tạm thu, tạm giữ; tiền vay nợ; thu khác...

Khi phân tích luồng tiền ra, các yếu tố phản ánh thực chất dòng tiền ra khỏi KBNN cần được chính xác, cụ thể. Người phân tích sẽ căn cứ các chỉ tiêu tài chính trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kế toán và các ứng dụng của hệ thống TABMIS để khai thác một cách hiệu quả. Ngoài ra, việc dự báo ngắn hạn, trung hạn luồng tiền ra cũng rất quan trọng phục vụ quyết định điều hành vốn NSNN.

Ví dụ minh họa: *Phân tích ngân quỹ nhà nước theo nguồn hình thành*

Bảng 3. Ngân quỹ nhà nước tại thời điểm 31/12/2022

STT	Tiêu chí	Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
	Ngân quỹ nhà nước	1.124.401	100,0
1	Tồn quỹ NSNN	755.282	67,2
1.1	Tồn quỹ NSTU	1.267	0,1
1.2	Tồn quỹ NSDP	754.015	67,1
2	Tiền gửi các quỹ tài chính nhà nước	119.082	10,6
2.1	Tiền gửi các quỹ tài chính nhà nước (trừ Quỹ Dự trữ tài chính nhà nước)	75.952	6,8
2.2	Quỹ Dự trữ tài chính nhà nước	43.130	3,8
3	Tiền gửi của các đơn vị, tổ chức	250.037	22,2
3.1	Tiền gửi của các đơn vị hành chính sự nghiệp	105.102	9,3
3.2	Tiền gửi của xã	2.427	0,2
3.3	Tiền gửi của ban quản lý dự án	5.873	0,5
3.4	Tiền gửi có mục đích	52.759	4,7
3.5	Tiền gửi của các tổ chức	8.523	0,8
3.6	Tiền gửi đặc biệt của các đơn vị	5.815	0,5
3.7	Tạm thu, tạm giữ chờ xử lý	41.144	3,7
3.8	Tiền gửi khác	28.394	2,5

Nguồn: Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng ngân quỹ nhà nước năm 2022 của Bộ Tài chính

Thông qua việc sử dụng phương pháp so sánh bằng số tương đối kết cấu và phương pháp biểu đồ, đồ thị, có thể thấy được tỷ trọng các nguồn hình thành nên ngân quỹ nhà nước tại một thời điểm bao gồm: tồn quỹ NSNN, tiền gửi các quỹ tài chính nhà nước và tiền gửi của các đơn vị, tổ chức tại KBNN. Từ Bảng 3 và Biểu đồ 3 có thể thấy, ngân quỹ nhà nước tại thời điểm 31/12/2022 được hình thành chủ yếu từ tồn quỹ NSNN (67,2%), tiếp đến là tiền gửi của các đơn vị, tổ chức tại KBNN (22,2%) và cuối cùng là tiền gửi của các quỹ tài chính nhà nước tại KBNN (10,6). Ngoài ra, do các nhân tố cấu thành nên ngân quỹ nhà nước có mối quan hệ với nhau dưới dạng tổng số nên còn có thể sử dụng phương pháp cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của chúng tới ngân quỹ nhà nước. Từ đó, có những biện pháp quản lý, điều hành ngân quỹ nhà nước phù hợp, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

c) Nghiệp vụ tổng hợp và lập báo cáo quyết toán NSNN

Cũng giống như các hoạt động nghiệp vụ khác của KBNN, phân tích báo cáo quyết toán chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh chỉ tiêu thực hiện với kế hoạch, so sánh định gốc cả về số tuyệt đối và số tương đối.

d) Nghiệp vụ huy động vốn

KBNN chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh trong phân tích nghiệp vụ huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ, cụ thể:

- So sánh khối lượng vốn huy động được với kế hoạch được giao để xác định tiêu chí tỷ lệ hoàn thành kế hoạch huy động vốn theo tỷ lệ phần trăm (%), cho thấy mức độ hoàn thành nhiệm vụ của KBNN trong việc huy động vốn cho NSNN và cho đầu tư phát triển thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ.

- So sánh theo số bình quân để xác định kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ bình quân năm.

- Phương pháp so sánh theo số bình quân được sử dụng để xác định thời gian đáo hạn bình quân của danh mục trái phiếu Chính phủ.

3.2. Đánh giá thực trạng sử dụng các phương pháp phân tích hoạt động nghiệp vụ KBNN

a) Kết quả đạt được

a1. Công cụ phục vụ điều hành.

Phân tích hoạt động nghiệp vụ đã trở thành công cụ quan trọng giúp lãnh đạo KBNN và Bộ Tài chính đánh giá kết quả, phát hiện hạn chế và nguyên nhân, từ đó có giải pháp điều chỉnh kịp thời. Hoạt động này còn giúp hệ thống nhìn nhận đúng năng lực, xác định chiến lược phát triển, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

a2. Ứng dụng công nghệ thông tin.

KBNN từng bước hiện đại hóa phân tích bằng CNTT. Từ năm 2018, Kho dữ liệu thống kê và phân

tích nghiệp vụ được xây dựng, phục vụ khai thác nội bộ và cung cấp dữ liệu thu, chi NSNN cho Bộ Tài chính. Ngoài ra, nhiều hệ thống khác như ĐTKB-GD, quản lý ngân quỹ, quản lý trái phiếu đã hỗ trợ khâu thu thập số liệu. Hạ tầng CNTT cũng được đồng bộ hóa đến từng đơn vị, góp phần tin học hóa công tác phân tích.

b) Hạn chế

b1. Chưa có hệ tiêu chí và phương pháp thống nhất.

Hiện KBNN chưa ban hành hệ tiêu chí và phương pháp phân tích nghiệp vụ thống nhất trên toàn hệ thống, gây khó khăn cho so sánh, đánh giá giữa các đơn vị.

b2. Nguồn nhân lực hạn chế.

Công tác phân tích nghiệp vụ chủ yếu do kiêm nhiệm, thiếu nhân lực chuyên trách. Trình độ CNTT, ngoại ngữ và chuyên môn phân tích còn hạn chế, ít người được đào tạo đúng ngành. Công tác bồi dưỡng, tập huấn chưa được chú trọng, ảnh hưởng đến chất lượng và tính kịp thời của phân tích.

b3. Ứng dụng CNTT chưa sâu.

Hiện các phần mềm chủ yếu hỗ trợ thu thập số liệu, trong khi tổng hợp và phân tích mới dựa vào công cụ đơn giản như Excel. Chưa có phần mềm chuyên biệt hỗ trợ phân tích nghiệp vụ toàn diện.

4. Giải pháp đổi mới phương pháp phân tích hoạt động nghiệp vụ KBNN

4.1. Xây dựng hệ tiêu chí thống nhất

Cần ban hành hệ tiêu chí định tính và định lượng, kết hợp từ hệ thống chỉ tiêu thống kê tài chính và bổ sung các chỉ tiêu đặc thù. Hệ tiêu chí này giúp lượng hóa kết quả, tạo cơ sở cho so sánh và đánh giá chính xác.

4.2. Hoàn thiện phương pháp hiện có

Phương pháp so sánh cần mở rộng gốc so sánh theo chuỗi nhiều năm và so sánh với trung bình ngành. Kết hợp nhiều phương pháp như thay thế liên hoàn, chỉ số, biểu đồ để tạo cái nhìn toàn diện. Việc này giúp đánh giá rõ hiệu quả từng nghiệp vụ và mối quan hệ giữa các hoạt động.

4.3. Áp dụng phương pháp mới

- Phân tích sự hài lòng của khách hàng: tập trung vào tiêu chí thời hạn giải quyết thủ tục, số lần yêu cầu bổ sung hồ sơ và thái độ công chức.

- Phương pháp dự báo: ứng dụng trong phân tích thu NSNN, quản lý ngân quỹ và huy động vốn, dự báo dòng tiền và nhu cầu ngân quỹ nhằm điều hành hiệu quả.

- Khung PEFA: vận dụng trụ cột 5, đặc biệt chỉ số PI-21 để đánh giá khả năng dự liệu và kiểm soát ngân sách, gắn với hiệu quả nghiệp vụ KBNN.

4.4. Phát triển nhân lực

KBNN cần bổ sung nhân lực cho trung ương, tỉnh, huyện; thành lập bộ phận chuyên trách thống kê - phân tích. Đồng thời, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về phân

tích, dự báo, thống kê, CNTT; tạo điều kiện tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước.

4.5. Hiện đại hóa hạ tầng và CNTT

Xây dựng phần mềm hỗ trợ phân tích chuyên biệt, liên kết với các hệ thống hiện có để thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu nhanh chóng, bảo mật. Đầu tư máy chủ, thiết bị lưu trữ, đồng thời khai thác công nghệ Big Data, AI, Blockchain để xử lý và chia sẻ dữ liệu an toàn, hiệu quả. Hạ tầng kỹ thuật cần lấy dữ liệu làm trung tâm, phục vụ phân tích chuyên sâu và dự báo chính xác.

Tóm lại: Công tác phân tích hoạt động nghiệp vụ KBNN đã có bước tiến nhờ ứng dụng CNTT và hỗ trợ điều hành. Tuy nhiên, hạn chế về hệ tiêu chí, nhân lực và công nghệ chuyên biệt vẫn còn rõ nét. Để khắc phục, KBNN cần đồng thời xây dựng hệ tiêu chí chuẩn hóa, hoàn thiện phương pháp, áp dụng công cụ phân tích mới, phát triển đội ngũ và hiện đại hóa hạ tầng. Đây là những giải pháp nền tảng giúp nâng cao chất lượng phân tích, hỗ trợ quản lý tài chính công hiện đại và hội nhập quốc tế.

5. Kết luận và hướng nghiên cứu tiếp theo

a) Kết luận

Thời gian vừa qua, nhiều chủ trương, chính sách mới về tài chính - ngân sách đã được ban hành, tác động trực tiếp tới các hoạt động nghiệp vụ của KBNN. Cùng với đó, bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành xu thế phát triển tất yếu của thế giới và đất nước. Để đạt được mục tiêu này, đòi hỏi KBNN phải đổi mới các phương pháp phân tích hoạt động nghiệp vụ cho phù hợp với bối cảnh mới.

b) Hướng nghiên cứu tiếp theo

Bài viết chỉ giới hạn trong phạm vi phương pháp phân tích một số hoạt động nghiệp vụ cơ bản của KBNN là: tập trung nguồn thu NSNN; kiểm soát chi NSNN; quản lý và điều hành ngân quỹ nhà nước; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán NSNN; huy động vốn. Do đó, trong tương lai, có thể tiếp tục mở rộng nghiên cứu về phương pháp phân tích các hoạt động nghiệp vụ khác của KBNN như: tổng hợp và lập báo cáo tài chính nhà nước; thanh toán các khoản chi NSNN; quản lý tiền mặt, kim loại quý và giấy tờ có giá tại KBNN..../.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2017). Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN.
- Bộ Tài chính (2018). Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN.
- Bộ Tài chính (2024). Quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN.
- KBNN (2022). Quyết định số 1953/QĐ-KBNN ngày 29/4/2022 phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong hệ thống KBNN đến năm 2025.
- Nguyễn Văn Quang (2024). Đổi mới phương pháp phân tích hoạt động nghiệp vụ KBNN trong bối cảnh mới. [Đề tài KH & CN cấp bộ, Bộ Tài chính]. Hà Nội.
- Lê Hùng Sơn (2023). Đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công tại KBNN. [Đề tài KH & CN cấp cơ sở, KBNN]. Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 455/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2030.
- Đinh Thu Trang (2021). Một số giải pháp nhằm giảm thanh toán bằng tiền mặt trong thu, chi NSNN qua hệ thống KBNN.